TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 338/2020/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chi tài sản khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức C., sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Đỗ Thị L., sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212, 213, 144 và khoản 3,4 Điều 147; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức C. và chị Đỗ Thị L..

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Công nhận cháu Nguyễn Đức Th., sinh ngày 27/3/2008 là con chung của anh Nguyễn Đức C. và chị Đỗ Thị L..

Về việc nuôi con: Chị L. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Th.. Anh C. có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, chị L. và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh C. và chị L. thỏa thuận anh C. cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L. mỗi tháng là 3.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Đức Th. đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác của pháp luật.

2.2. Về tài sản và công nợ chung:

Anh Nguyễn Đức C. và chị Đỗ Thị L. tự thỏa thuận chia tài sản và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị. Cụ thể:

- Về tài sản: Anh Nguyễn Đức C. và chị Đỗ Thị L. thống nhất có số tài sản chung:

+ Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 37 (196590-1b) Bản đồ địa chính xã Đ lập năm 2015; Diện tích 806,7m2 tại thôn L – xã Đ và nhà ở cấp 4 công trình trên đất đều đứng tên chủ sử dụng là Nguyễn Đức C. và Đỗ Thị L..

+ 01 xe máy Honda LEAD, biển số 36 B609773 đang đứng tên Nguyễn Đức C..

+ 02 chỉ vàng 9999.

- Về công nợ: Anh Nguyễn Đức C. và chị Đỗ Thị L. thống nhất về công nợ chung như sau:

+ Anh C. và chị L. cho cháu Đỗ Thị Kh (con của chị gái chị L. là chị Đỗ Thị H) vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

+ Anh C. và chị L. nợ bà Lê Thị N (Là mẹ đẻ chị Đỗ Thị L.) số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Anh Nguyễn Đức C. và chị Đỗ Thị L. thỏa thuận chia tài sản, công nợ và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

* Sau khi ly hôn anh Nguyễn Đức C. được quyền sở hữu, quyền sử dụng số tài sản:

+ Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 37 (196590-1b) Bản đồ địa chính xã Đ lập năm 2015; Diện tích 806,7m2 tại thôn L, xã Đ, huyện H và quyền sở hữu nhà ở cấp 4, công trình trên đất .

* Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị L. được quyền sở hữu, quyền sử dụng số tài sản và công nợ:

+ 02 chỉ vàng 9999

+ 01 xe máy Honda LEAD, biển số 36 B609773 đang đứng tên Nguyễn Đức C..

+ Chị L. được quyền lấy toàn bộ số nợ mà cháu Đỗ Thị Kh đang nợ vợ chồng là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng). Chị L. có trách nhiệm trả toàn bộ nợ vợ chồng nợ bà Lê Thị Hạnh là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Bà Lê Thị N thống nhất về số tiền mà anh C. chị L. đang nợ bà, đồng ý cho chị L. trả toàn bộ số tiền đang nợ là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Chị Đỗ Thị Kh thống nhất về số tiền mà chị đang nợ vợ chồng anh C. chị L., đồng ý sẽ trực tiếp trả số tiền chị đang nợ là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) cho chị L..

Anh Nguyễn Đức C. có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất được chia theo quyết định công nhận này.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức C. tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0010094, ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (Công nhận anh C. đã nộp đủ).

Do anh Nguyễn Đức C. Và chị Đỗ Thị L. tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu: Hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú